



Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam

**Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2009**

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam **Báo cáo của Ban Điều Hành**

Ban Điều Hành của Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (“Công ty”) trình bày báo cáo của Ban Điều Hành và báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Thông tin về Công ty

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam ban đầu được thành lập theo Quyết định số 420/CNN/TCLD ngày 29 tháng 4 năm 1993 theo loại hình doanh nghiệp Nhà nước do Bộ Công nghiệp quản lý. Vào ngày 1 tháng 10 năm 2003, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 155/2003/QĐ-BCN của Bộ Công nghiệp. Vào ngày 20 tháng 11 năm 2003, Công ty được đăng ký trở thành một công ty cổ phần hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy Chứng nhận đăng ký Kinh doanh số 4103001932 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Ngày 19 tháng 1 năm 2006 cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên thị trường chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép Niêm yết số 42/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28 tháng 12 năm 2005. Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và phân phối sữa đặc, sữa bột, sữa tươi, bánh quy, sữa đậu nành, sữa chua, kem, phô mai, nước trái cây và các sản phẩm khác từ sữa.

Hội đồng Quản trị

Bà Mai Kiều Liên	Chủ tịch
Ông Hoàng Nguyên Học	Thành viên
Bà Ngô Thị Thu Trang	Thành viên
Ông Dominic Scriven	Thành viên
Ông Wang Eng Chin	Thành viên

Ban Điều Hành

Bà Mai Kiều Liên	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thanh Hòa	Giám đốc Điều Hành Chuỗi Cung ứng
Bà Nguyễn Thị Như Hằng	Giám đốc Điều Hành Phát triển Vùng Nguyên liệu
Bà Ngô Thị Thu Trang	Giám đốc Điều Hành Tài chính
Ông Trần Minh Văn	Giám đốc Điều Hành Dự án
Ông Nguyễn Quốc Khánh	Quyền Giám đốc Điều Hành Sản xuất và Phát triển Sản phẩm
Bà Nguyễn Hữu Ngọc Trân	Quyền Giám đốc Điều Hành Marketing
Ông Phạm Phú Tuấn	Quyền Giám đốc Điều Hành Kinh doanh

Kế toán trưởng

Ông Lê Thành Liêm

Kết quả hoạt động và cổ tức

Lợi nhuận thuần cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 2.381.145 triệu VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2008: 1.251.554 triệu VNĐ).

Cổ tức được công bố trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 351.281 triệu VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2008: 683.575 triệu VNĐ).

Vào ngày 9 tháng 9 năm 2009, Công ty đã công bố cổ phiếu thưởng là 1:1, có hiệu lực vào ngày 18 tháng 9 năm 2009. Cổ phiếu thưởng này được trích từ thặng dư vốn cổ phần và lợi nhuận chưa phân phối cho tất cả các cổ đông hiện tại của Công ty. Cổ phiếu thưởng này được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 15 tháng 10 năm 2009.

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam **Báo cáo của Ban Điều Hành (tiếp theo)**

Các sự kiện xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Ngoại trừ các thông tin được công bố tại Thuyết minh 35 cho báo cáo tài chính, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập bảng cân đối kế toán cần phải điều chỉnh hay thuyết minh trong báo cáo tài chính.

Đơn vị kiểm toán

Đơn vị kiểm toán của Công ty là Công ty TNHH KPMG.

Báo cáo trách nhiệm của Ban Điều Hành đối với báo cáo tài chính

Ban Điều Hành chịu trách nhiệm đối với báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính này, Ban Điều Hành có trách nhiệm:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Tùy thuộc vào các sai sót trọng yếu được trình bày và diễn giải trong báo cáo tài chính, xác định rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp giả định không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều Hành xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Ban Điều Hành chịu trách nhiệm đảm bảo việc lưu giữ các sổ sách kế toán thích hợp mà trên đó phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán trình bày tình hình tài chính của Công ty tuân thủ hệ thống kế toán đã đăng ký. Ban Điều Hành cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác

Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính đính kèm, các báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với Hệ thống Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán được chấp thuận rộng rãi tại Việt Nam.

Thay mặt Ban Điều Hành:



Mai Kiều Liên
Tổng Giám đốc

01 MAR 2010



KPMG Limited
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán đính kèm của Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (gọi chung là “Công ty”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo. Các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Điều Hành Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Các báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính trong các báo cáo tài chính đề ngày 23 tháng 3 năm 2009.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết trình trong báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính trọng yếu của Ban Điều Hành, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán phổ biến được chấp thuận tại Việt Nam.

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345
Báo cáo kiểm toán số: 09-01-130



Chong Kwang Puay
Chứng chỉ kiểm toán viên số N0864/KTV
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Nghị
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0304/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh,

01 MAR 2010

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam
Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2009

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009 triệu VND	31/12/2008 triệu VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn	100		5.050.275	3.160.210
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	415.419	329.545
Tiền	111		365.419	124.288
Các khoản tương đương tiền	112		50.000	205.257
Đầu tư ngắn hạn	120	10	2.314.253	374.002
Đầu tư ngắn hạn	121		2.400.760	496.998
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(86.507)	(122.996)
Phải thu ngắn hạn	130	5	753.498	648.727
Phải thu thương mại	131		535.005	530.134
Trả trước cho người bán	132		137.378	75.318
Các khoản phải thu khác	135		81.758	43.408
Dự phòng phải thu khó đòi	139		(643)	(133)
Hàng tồn kho	140	6	1.280.775	1.755.360
Hàng tồn kho	141		1.287.884	1.767.373
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(7.109)	(12.013)
Tài sản ngắn hạn khác	150		286.330	52.576
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		21.075	31.118
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		37.343	19.181
Thuế thu nhập doanh nghiệp trả trước				
Nhà nước	154		226.000	-
Tài sản ngắn hạn khác	158		1.912	2.277

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam
Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009 triệu VND	31/12/2008 triệu VND
Tài sản dài hạn	200		3.379.908	2.724.886
Phải thu dài hạn	210		8.822	28.606
Phải thu khác	218		8.822	28.606
Tài sản cố định	220		2.322.964	1.804.745
Tài sản cố định hữu hình	221	7	1.652.109	1.413.526
<i>Nguyên giá</i>	222		2.909.679	2.479.273
<i>Khấu hao lũy kế</i>	223		(1.257.570)	(1.065.747)
Tài sản cố định vô hình	227	8	23.391	35.017
<i>Nguyên giá</i>	228		66.489	63.565
<i>Phân bổ lũy kế</i>	229		(43.098)	(28.548)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	9	647.464	356.202
Đầu tư dài hạn	250	10	801.181	647.899
Đầu tư vào công ty con	251		228.800	135.694
Đầu tư vào công ty liên kết	252		26.152	131.749
Đầu tư dài hạn khác	258		652.325	495.807
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		(106.096)	(115.351)
Tài sản dài hạn khác	260		246.941	243.636
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	192.531	195.338
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	13	53.521	47.276
Tài sản dài hạn khác	268		889	1.022
TỔNG TÀI SẢN	270		8.430.183	5.885.096

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam
Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009 triệu VNĐ	31/12/2008 triệu VNĐ
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		1.785.571	1.121.759
Nợ ngắn hạn	310		1.529.334	939.887
Vay ngắn hạn	311	14	9.963	188.222
Phải trả thương mại	312	15	793.261	491.912
Người mua trả tiền trước	313		28.828	5.915
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	314	16	399.397	64.153
Phải trả công nhân viên	315		28.239	3.044
Chi phí phải trả	316	17	206.998	143.655
Các khoản phải trả khác	319	18	62.648	42.986
Nợ dài hạn	330		256.237	181.872
Phải trả thương mại	331	15	116.940	93.612
Nợ dài hạn khác	333	19	92.000	30.000
Vay dài hạn	334	20	12.455	22.418
Dự phòng trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp	336	21	34.842	35.842
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		6.644.612	4.763.337
Vốn chủ sở hữu	410		6.644.612	4.763.337
Vốn cổ phần	411	22	3.512.653	1.752.757
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	1.064.948
Cổ phiếu ngân quỹ	414		(154)	-
Quỹ đầu tư và phát triển	417		1.756.283	869.697
Quỹ dự phòng tài chính	418		294.348	175.276
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	419		182.261	96.198
Lợi nhuận chưa phân phối	420		899.221	804.461
TỔNG NGUỒN VỐN	440		8.430.183	5.885.096

Người lập:



Lê Thành Liêm
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Mai Kiều Liên
Tổng Giám đốc

01 MAR 2010

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009 triệu VND	31/12/2008 triệu VND
Tổng doanh thu	01	23	10.856.364	8.407.174
Các khoản giảm trừ	02	23	(206.371)	(171.581)
Doanh thu thuần	10	23	10.649.993	8.235.593
Giá vốn hàng bán	11	24	(6.777.574)	(5.640.664)
Lợi nhuận gộp	20		3.872.419	2.594.929
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	435.651	263.801
Chi phí hoạt động tài chính	22	26	(187.163)	(273.205)
Chi phí bán hàng	24		(1.245.476)	(1.052.303)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(279.960)	(290.905)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.595.471	1.242.317
Kết quả từ các hoạt động khác	40			
Thu nhập khác	31	27	223.693	134.770
Chi phí khác	32	28	(86.599)	(2.918)
Lợi nhuận trước thuế	50		2.732.565	1.374.169
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp - hiện hành	51	29	(357.665)	(161.874)
Lợi ích thuế thu nhập - hoãn lại	52	29	6.245	39.259
Lợi nhuận thuần	60		2.381.145	1.251.554
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu bằng VND	70	30	6.785	3.567

Người lập:

(Handwritten signature)

Lê Thành Liêm
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Mai Kiều Liên
Tổng Giám đốc

01 MAR 2010

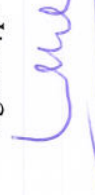
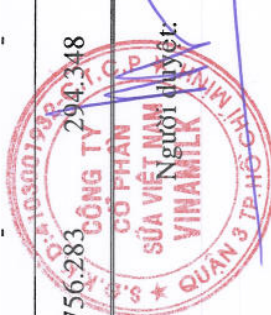
Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam

Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

	Vốn cổ phần triệu VND	Thặng dư vốn cổ phần triệu VND	Cổ phiếu ngân quỹ triệu VND	Quỹ đầu tư và phát triển triệu VND	Quỹ dự phòng tài chính triệu VND	Quỹ khen thưởng và phúc lợi triệu VND	Lợi nhuận chưa phân phối triệu VND	Tổng vốn chủ sở hữu triệu VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2008	1.752.757	1.064.948	-	744.540	136.313	91.622	525.757	4.315.937
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	1.251.554	1.251.554
Phân bổ cho quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	125.157	38.963	125.155	(289.275)	-
Cổ tức	-	-	-	-	-	2.842	(683.575)	(680.733)
Sử dụng quỹ	-	-	-	-	-	(123.421)	-	(123.421)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2008	1.752.757	1.064.948	-	869.697	175.276	96.198	804.461	4.763.337
Vốn cổ phần đã góp	1.759.896	(1.064.948)	(154)	-	-	-	(691.302)	3.492
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	2.381.145	2.381.145
Phân bổ cho quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	886.586	119.072	238.144	(1.243.802)	-
Cổ tức (Thuyết minh 31)	-	-	-	-	-	-	(351.281)	(351.281)
Sử dụng quỹ	-	-	-	-	-	(152.081)	-	(152.081)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2009	3.512.653	-	(154)	1.756.283	294.348	182.261	899.221	6.644.612

Người lập:

Lê Thành Liêm
Kế toán trưởng

01 MAR 2010

Mai Kiều Liên
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009 triệu VNĐ	31/12/2008 triệu VNĐ
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		2.732.565	1.374.169
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		217.354	163.647
Các khoản dự phòng	03		64.269	194.320
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		3.486	(5.704)
Lãi từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	05		(1.312)	(366)
Lãi từ thanh lý xây dựng cơ bản dở dang	05		(57)	-
Chi phí lãi vay	06		6.604	25.512
Thu nhập tiền lãi và cổ tức	07		(134.333)	(92.638)
Lãi từ hoạt động đầu tư khác	07		(19.160)	(250)
Thu từ thanh lý các khoản đầu tư vào công ty liên doanh	07		(139.577)	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		2.729.839	1.658.690
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		(77.481)	17.752
Biến động hàng tồn kho	10		470.272	(98.480)
Biến động các khoản phải trả và nợ khác	11		408.932	(110.899)
Biến động chi phí trả trước	12		12.850	(16.900)
			3.544.412	1.450.163
Tiền lãi vay đã trả	13		(6.891)	(24.498)
Thuế thu nhập đã nộp	14		(289.461)	(101.861)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		16.032	53.508
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(146.954)	(103.947)
Tiền thuần thu từ hoạt động kinh doanh	20		3.117.138	1.273.365

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009 triệu VNĐ	31/12/2008 triệu VNĐ
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định	21		(650.077)	(412.995)
Thu từ thanh lý tài sản cố định	22		5.453	544
Thu từ thanh lý xây dựng cơ bản dở dang			57.431	-
Mua trái phiếu và chứng khoán vốn	23		(200.000)	3.010
Thu từ thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn	23		88.043	-
Thu từ thanh lý khoản đầu tư vào công ty liên doanh	24		134.267	-
Thu từ trái phiếu đến hạn	24		10.005	-
Thu hồi khoản vay từ công ty liên doanh	24		207.968	-
Chi đầu tư vào các đơn vị khác	25		(95.556)	(169.952)
Thu từ lãi tiền gửi và cổ tức	27		70.657	89.376
Tặng tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	28		(2.123.387)	(50.191)
Tiền thuần chi cho hoạt động đầu tư	30		(2.495.196)	(540.208)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		3.646	-
Tiền chi mua lại cổ phiếu	32		(154)	-
Thu từ vay ngắn hạn	33		-	173.547
Hoàn trả các khoản vay	34		(188.222)	(9.963)
Cổ tức lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(351.281)	(680.733)
Tiền thuần chi cho hoạt động tài chính	40		(536.011)	(517.149)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		85.931	216.008
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		329.545	113.527
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		(57)	10
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	4	415.419	329.545

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

CÁC GIAO DỊCH ĐẦU TƯ VÀ TÀI CHÍNH PHI TIỀN TỆ

	31/12/2009	31/12/2008
	triệu VND	triệu VND
Nguyên giá của tài sản cố định do Công ty mua chưa trả tiền	156.327	36.676
Thanh lý xây dựng cơ bản dở dang chưa thu tiền	9.090	-

Người lập:



Lê Thành Liêm
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Mai Kiều Liên
Tổng Giám đốc

01 MAR 2010

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (“Công ty” hay “Vinamilk”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và phân phối sữa đặc, sữa bột, sữa tươi, bánh quy, sữa đậu nành, sữa chua, kem, phô mai, nước trái cây và các sản phẩm khác từ sữa.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty có 4 công ty con:

Tên công ty con	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn do Công ty nắm giữ
Công ty TNHH Một Thành viên Bò sữa Việt Nam	Sản xuất sữa	100%
Công ty Cổ phần Sữa Lam Sơn	Sản xuất sữa	55%
Công ty TNHH Một Thành viên Đầu tư Bất động sản Quốc tế	Kinh doanh bất động sản	100%
Công ty Cổ phần Bất động sản Chiến Thắng – Việt Nam	Kinh doanh bất động sản	100%

Công ty Cổ phần Bất động sản Chiến Thắng – Việt Nam là công ty con do Công ty TNHH Một Thành viên Đầu tư Bất động sản Quốc tế sở hữu hoàn toàn, công ty con này cũng là công ty do Vinamilk sở hữu hoàn toàn.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 Công ty có 4.382 nhân viên (31/12/2008: 4.275 nhân viên).

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính này.

(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính

(i) Cơ sở kế toán chung

Các báo cáo tài chính trình bày bằng Đồng Việt Nam làm tròn tới hàng triệu (“triệu VNĐ”), được lập theo Hệ thống Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán được chấp thuận rộng rãi tại Việt Nam.

Các báo cáo tài chính, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

(tiếp theo)

Các báo cáo tài chính này được lập riêng cho Công ty và không bao gồm báo cáo tài chính của các công ty con. Đầu tư vào các công ty con, liên doanh và liên kết được phản ánh theo nguyên giá. Công ty lập các báo cáo tài chính hợp nhất trong đó bao gồm báo cáo của Công ty và của các công ty con và phát hành riêng.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt nam số 10 (“VAS 10”) – *Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái*.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, ít rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư vào tiền gửi có kỳ hạn và các công cụ nợ; đầu tư vào các công cụ vốn của các doanh nghiệp mà Công ty không có quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng trọng yếu; và các khoản đầu tư vào các công ty con và các công ty liên kết trong báo cáo tài chính riêng của Công ty được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban Điều Hành cho rằng việc giảm giá này không mang tính tạm thời. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

(tiếp theo)

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí phân bổ trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí tháo dỡ và di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	10 – 50 năm
▪ máy móc và thiết bị	8 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 5 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất vô thời hạn

Quyền sử dụng đất vô thời hạn được thể hiện theo nguyên giá và không phân bổ. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá trị của quyền sử dụng đất được ghi nhận trong giá mua và các chi phí trực tiếp phát sinh liên quan tới việc bảo đảm quyền sử dụng đất.

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)**

(ii) Phần mềm vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được tính phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 12 đến 48 năm.

(k) Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các nghĩa vụ về khoản nợ phải trả đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến có thể phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập doanh nghiệp liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập doanh nghiệp này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

(tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán, cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ hiện thực hóa được.

(n) Doanh thu

(i) *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) *Cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) *Dịch vụ gia công*

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(o) Các khoản thanh toán cho việc thuê hoạt động

Các khoản thanh toán cho việc thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

(tiếp theo)

(p) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản cố định hữu hình đủ điều kiện thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hoá và được ghi vào nguyên giá các tài sản cố định này.

(q) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông trung bình lưu hành trong kỳ. Phát hành cổ phiếu thưởng là việc phát hành cổ phiếu phổ thông cho các cổ đông hiện tại mà Công ty không thu bất cứ khoản tiền nào. Vì vậy, số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành tăng lên mà không có sự gia tăng nguồn vốn. Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trước sự kiện này được điều chỉnh theo tỉ lệ tương ứng với số lượng thay đổi của cổ phiếu phổ thông được lưu hành với giả thuyết sự kiện này đã xảy ra ngay tại thời điểm đầu kỳ báo cáo.

(r) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Báo cáo bộ phận chính yếu của Công ty là dựa theo bộ phận theo khu vực địa lý. Hoạt động của Công ty nằm trong một lĩnh vực kinh doanh là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm sữa và nước trái cây.

(s) Các khoản cổ phiếu phát hành cho nhân viên

Các khoản cổ phiếu phát hành cho nhân viên vì những đóng góp cho Công ty được hạch toán như một giao dịch tăng vốn và không hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(t) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày trong các thuyết minh thích hợp của báo cáo tài chính.

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

3. Báo cáo bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty.

Kết quả của bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân chia bao gồm tài sản và nợ phải trả, thu nhập hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp, lợi nhuận và lỗ khác, và thuế thu nhập doanh nghiệp.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Khi trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý, doanh thu của bộ phận được dựa vào vị trí địa lý của khách hàng tại Việt Nam (“Trong nước”) hay ở các nước khác Việt Nam (“Xuất khẩu”).

	Trong nước		Xuất khẩu		Tổng	
	31/12/2009 triệu VNĐ	31/12/2008 triệu VNĐ	31/12/2009 triệu VNĐ	31/12/2008 triệu VNĐ	31/12/2009 triệu VNĐ	31/12/2008 triệu VNĐ
Doanh thu bán hàng	9.451.443	7.019.834	1.198.550	1.215.759	10.649.993	8.235.593
Giá vốn hàng bán	(5.929.013)	(4.756.840)	(848.561)	(883.824)	(6.777.574)	(5.640.664)
Thu nhập của bộ phận	3.522.430	2.262.994	349.989	331.935	3.872.419	2.594.929

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

(tiếp theo)

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2009 triệu VNĐ	31/12/2008 triệu VNĐ
Tiền mặt	350	544
Tiền gửi ngân hàng	364.229	121.959
Tiền đang chuyển	840	1.785
Các khoản tương đương tiền	50.000	205.257
	<hr/>	<hr/>
	415.419	329.545

Trong tiền và các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 có số tiền khác VNĐ tương đương 66.781 triệu VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2008: 137.553 triệu VNĐ).

5. Các khoản phải thu ngắn hạn

Các khoản phải thu bao gồm khoản phải thu các bên liên quan như sau:

	31/12/2009 triệu VNĐ	31/12/2008 triệu VNĐ
Thương mại	3.527	-
Phi thương mại	18.223	-
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có bảo đảm, không chịu lãi và phải thu trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Các khoản phải thu phi thương mại từ các công ty liên quan không có bảo đảm, không chịu lãi và phải thu theo yêu cầu.

Biến động dự phòng phải thu khó đòi trong năm như sau:

	31/12/2009 triệu VNĐ	31/12/2008 triệu VNĐ
Số dư đầu năm	133	751
Tăng dự phòng trong năm	582	418
Sử dụng dự phòng trong năm	-	(967)
Hoàn nhập trong năm	(72)	(69)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	643	133

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009****(tiếp theo)**

Các khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm:

	31/12/2009 triệu VNĐ	31/12/2008 triệu VNĐ
Cổ tức phải thu	3.754	-
Lãi tiền gửi	56.339	4.163
Thu lãi trái phiếu	426	6.227
Trái phiếu có kỳ hạn	-	10.000
Thuế nhập khẩu hoàn lại	8.236	11.905
Cho công ty con vay	2.500	2.500
Phải thu hỗ trợ từ nhà cung cấp	5.114	742
Phải thu khác	5.389	7.871
	<hr/>	<hr/>
	81.758	43.408
	<hr/>	<hr/>

6. Hàng tồn kho

	31/12/2009 Triệu VNĐ	31/12/2008 Triệu VNĐ
Hàng mua đang đi đường	373.437	219.323
Nguyên vật liệu	535.156	1.220.193
Công cụ và dụng cụ	5.728	5.370
Sản phẩm dở dang	105.471	95.902
Thành phẩm	248.725	215.875
Hàng tồn kho	11.410	10.710
Hàng gửi đi bán	7.957	-
	<hr/>	<hr/>
	1.287.884	1.767.373
Dự phòng hàng tồn kho	(7.109)	(12.013)
	<hr/>	<hr/>
	1.280.775	1.755.360
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009****(tiếp theo)**

Biến động dự phòng hàng tồn kho trong kỳ như sau:

	31/12/2009 triệu VNĐ	31/12/2008 triệu VNĐ
Số dư đầu năm	12.013	11.629
Tăng dự phòng trong năm	29.847	384
Sử dụng dự phòng trong năm	(6.360)	-
Hoàn nhập trong năm	(28.391)	-
Số dư cuối năm	7.109	12.013

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa và vật kiến trúc triệu VNĐ	Máy móc và thiết bị VNĐ triệu	Phương tiện vận chuyển triệu VNĐ	Thiết bị văn phòng triệu VNĐ	Tổng triệu VNĐ
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	455.651	1.687.126	248.052	88.444	2.479.273
Tăng trong năm	2.607	24.889	33.258	17.982	78.736
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	47.018	240.071	72.058	7.871	367.018
Thanh lý	-	(3.814)	(10.640)	(894)	(15.348)
Phân loại lại	1.678	(1.660)	-	(18)	-
Số dư cuối năm	506.954	1.946.612	342.728	113.385	2.909.679
Khấu hao lũy kế					
Số dư đầu năm	131.966	782.442	92.224	59.115	1.065.747
Khấu hao trong năm	20.872	138.551	25.929	17.452	202.804
Thanh lý	-	(3.700)	(6.400)	(881)	(10.981)
Phân loại lại	98	(98)	-	-	-
Số dư cuối năm	152.936	917.195	111.753	75.686	1.257.570
Giá trị còn lại					
Số dư cuối năm	354.018	1.029.417	230.975	37.699	1.652.109
Số dư đầu năm	323.685	904.684	155.828	29.329	1.413.526

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

(tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ là 68.385 triệu VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2008: 77.554 triệu VNĐ) được thế chấp tại Ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản với nguyên giá là 619.937 triệu VNĐ đã khấu hao hết tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2009 (ngày 31 tháng 12 năm 2008: 592.834 triệu VNĐ), nhưng vẫn còn được sử dụng.

8. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất triệu VNĐ	Phần mềm vi tính triệu VNĐ	Tổng triệu VNĐ
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	19.900	43.665	63.565
Tăng trong năm	-	2.924	2.924
<hr/>			
Số dư cuối năm	19.900	46.589	66.489
Phân bổ lũy kế			
Số dư đầu năm	11.608	16.940	28.548
Phân bổ trong năm	-	14.550	14.550
<hr/>			
Số dư cuối năm	11.608	31.490	43.098
<hr/>			
Giá trị còn lại			
Số dư cuối năm	8.292	15.099	23.391
Số dư đầu năm	8.292	26.725	35.017
<hr/>			

Bao gồm trong nguyên giá tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá là 26.136 triệu VNĐ đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 (2008: 1.103 triệu VNĐ), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Việc khấu hao quyền sử dụng đất đã được chấm dứt từ ngày 1 tháng 1 năm 2004 theo Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 12 tháng 12 năm 2003 quy định quyền sử dụng đất vô thời hạn được ghi nhận theo nguyên giá và không được phân bổ.

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)

9. Xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2009	31/12/2008
	triệu VNĐ	triệu VNĐ
Số dư đầu năm	356.202	598.307
Tăng trong năm	724.744	362.197
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(367.018)	(587.861)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	(16.441)
Thanh lý	(66.464)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	647.464	356.202

10. Các khoản đầu tư tài chính

	31/12/2009	31/12/2008
	triệu VNĐ	triệu VNĐ
<i>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>		
Đầu tư dài hạn dạng vốn chủ sở hữu vào các công ty con:		
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Bò sữa Việt Nam	139.000	60.894
▪ Công ty Cổ phần Sản xuất Sữa Lam Sơn	44.000	44.000
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Đầu tư Bất động sản Quốc tế	45.800	30.800
Đầu tư dài hạn dạng vốn chủ sở hữu vào các công ty liên doanh, liên kết:		
▪ Công ty Cổ phần Nguyên liệu Thực phẩm Á Châu Sài Gòn	9.000	9.000
▪ Dự án Căn hộ Horizon- Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh	9.943	7.493
▪ Dự án Phát triển nguồn nguyên liệu sữa tại Việt Nam	7.209	7.209
▪ Công ty Liên doanh SABMiller Việt Nam	-	108.047
Trái phiếu doanh nghiệp dài hạn	200.000	3.200
Trái phiếu Ngân sách Nhà nước dài hạn	-	40
Các khoản đầu tư dài hạn khác:		
▪ Chứng khoán đã niêm yết	203.113	226.785
▪ Chứng khoán chưa niêm yết	20.062	36.632
▪ Các quỹ đầu tư	106.350	106.350
▪ Các khoản đầu tư khác	122.800	122.800
	<hr/>	<hr/>
	907.277	763.250
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(106.096)	(115.351)
	<hr/>	<hr/>
	801.181	647.899

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009**

(tiếp theo)

Các khoản đầu tư ngắn hạn

▪ Chứng khoán đã niêm yết	87.536	33.071
▪ Chứng khoán chưa niêm yết	82.284	147.158
▪ Trái phiếu doanh nghiệp	3.200	2.400
▪ Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	2.227.700	106.396
▪ Trái phiếu Chính phủ	40	5
▪ Cho công ty liên doanh vay	-	207.968
	<hr/>	<hr/>
	2.400.760	496.998
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(86.507)	(122.996)
	<hr/>	<hr/>
	2.314.253	374.002
	<hr/>	<hr/>

Biến động giảm giá đầu tư trong năm như sau:

	Đầu tư ngắn hạn		Đầu tư dài hạn	
	31/12/2009	31/12/2008	31/12/2009	31/12/2008
	triệu VND	triệu VND	triệu VND	triệu VND
Số dư đầu năm	122.996	176	115.351	43.619
Tăng dự phòng trong năm	-	122.820	99.312	71.732
Sử dụng	-	-	(108.047)	-
Hoàn nhập	(36.489)	-	(520)	-
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	86.507	122.996	106.096	115.351
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009****(tiếp theo)****11. Các công ty trong Tập đoàn**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 có các công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát chủ yếu sau:

Tên công ty	Địa chỉ	31/12/2009		31/12/2008	
		% sở hữu	% quyền biểu quyết	% sở hữu	% quyền biểu quyết
Công ty con					
Công ty TNHH Một Thành viên Bò sữa Việt Nam	184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Sữa Lam Sơn	Khu Công nghiệp Lễ Môn, Tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam	55%	55%	55%	55%
Công ty TNHH Một Thành viên Đầu tư Bất động sản Quốc tế	184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%	100%
Công ty liên doanh					
Công ty liên doanh SABMiller Việt Nam	Lô A, khu Công Nghiệp Mỹ Phước 2, Huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương, Việt Nam	-	-	50%	50%
Dự án phát triển nguồn nguyên liệu sữa tại Việt Nam	Xã Tu Tra, Huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam	25%	25%	25%	25%
Công ty liên kết					
Công ty Cổ phần Nguyên liệu Thực phẩm Á Châu Sài Gòn	Lô C, 9E Khu Công nghiệp Mỹ Phước 3, Huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương, Việt Nam	20%	20%	20%	20%
Căn hộ Horizon - Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh Dự án	214 Trần Quang Khải, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	24,5%	24,5%	24,5%	24,5%

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009**

(tiếp theo)

Vào ngày 17 tháng 2 năm 2009, Công ty đã ký một Thỏa thuận Chuyển nhượng Vốn với SABMiller Asia BV để chuyển giao toàn bộ lợi ích của Công ty trong Công ty liên doanh SABMiller Việt Nam với giá 8.250.000 USD cho SABMiller Asia BV. Lợi nhuận từ thanh lý khoản đầu tư này, là chênh lệch từ khoản thu được và giá trị ghi sổ bằng không, được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm như là doanh thu hoạt động tài chính.

12. Chi phí trả trước dài hạn

	Tổng triệu VNĐ
Số dư đầu năm	195.338
Tăng trong năm	11.363
Kết chuyển giảm khác	(14.170)
	<hr/>
Số dư cuối năm	192.531
	<hr/>

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2009 triệu VNĐ	31/12/2008 triệu VNĐ
Dự phòng các khoản đầu tư	-	29.782
Trích trước và dự phòng	51.749	17.957
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	1.181	(463)
Lợi nhuận chưa thực hiện	591	-
	<hr/>	<hr/>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại thuần	53.521	47.276
	<hr/>	<hr/>

14. Vay ngắn hạn

	31/12/2009 triệu VNĐ	31/12/2008 triệu VNĐ
Vay ngắn hạn	-	178.259
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 20)	9.963	9.963
	<hr/>	<hr/>
	9.963	188.222
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

(tiếp theo)

15. Phải trả thương mại

Phải trả thương mại gồm khoản phải trả các công ty liên quan như sau:

	31/12/2009	31/12/2008
	triệu VND	triệu VND
Phải trả các công ty liên quan	5.785	1.097

Khoản phải trả công ty liên quan không có bảo đảm, không chịu lãi và được trả trong vòng 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

16. Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước

	31/12/2009	31/12/2008
	triệu VND	triệu VND
Thuế giá trị gia tăng	52.300	12.837
Thuế nhập khẩu	11.474	2.341
Thuế thu nhập doanh nghiệp ^(*)	329.731	35.527
Thuế thu nhập cá nhân	5.883	13.177
Thuế khác	9	271
	399.397	64.153

^(*) Số dư thuế thu nhập doanh nghiệp cuối năm 2009 cao do Công ty được gia hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (9 tháng kể từ ngày hết thời hạn nộp thuế theo quy định của Luật quản lý thuế) theo Thông tư của Bộ Tài chính số 03/2009/TT-BTC ngày 13 tháng 1 năm 2009 hướng dẫn thực hiện giảm, gia hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ từ Nghị quyết số 30/2008/NQ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 của Chính Phủ.

17. Chi phí phải trả

	31/12/2009	31/12/2008
	triệu VND	triệu VND
Hỗ trợ bán hàng cho khách hàng	143.612	106.701
Chi phí quảng cáo	37.959	21.471
Chi phí vận chuyển	13.592	5.139
Chi phí bảo trì và sửa chữa	2.736	1.531
Chi phí khác	9.099	8.813
	206.998	143.655

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

(tiếp theo)

18. Phải trả khác

	31/12/2009 triệu VNĐ	31/12/2008 triệu VNĐ
Phí công đoàn	-	478
Bảo hiểm xã hội	71	-
Tiền ký quỹ nhận được từ khách hàng	47.931	6.048
Thuế nhập khẩu phải nộp	5.178	15.906
Phải trả khác	9.468	20.554
	<hr/>	<hr/>
	62.648	42.986
	<hr/>	<hr/>

19. Nợ dài hạn khác

Nợ dài hạn khác thể hiện khoản tạm ứng nhận được từ bên thứ ba về việc chuyển nhượng khoản đầu tư của Công ty vào một tổ chức tín dụng trong tương lai. Việc chuyển đổi chỉ có hiệu lực khi được sự phê duyệt của Đại hội Cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị và các cổ đông sáng lập của ngân hàng này; hoặc sau năm năm kể từ ngày thành lập ngân hàng này, tùy theo sự kiện nào xảy ra trước.

20. Vay dài hạn

	31/12/2009 triệu VNĐ	31/12/2008 triệu VNĐ
Vay dài hạn	22.418	32.381
Hoàn trả trong vòng 12 tháng	(9.963)	(9.963)
	<hr/>	<hr/>
Hoàn trả sau 12 tháng	12.455	22.418
	<hr/>	<hr/>

Khoản vay này được ký giữa Quỹ Đầu tư và Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (40%) và Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (60%) để tài trợ cho dự án lắp đặt dây chuyền đóng hộp sữa đặc có đường tại Nhà máy sữa Thống Nhất. Khoản vay này được bảo đảm bằng tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 68.385 triệu VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2008: 77.554 triệu VNĐ) và chịu lãi suất bình quân tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng cộng 2,4% một năm trong năm và số dư còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 được hoàn trả trong 9 quý bằng nhau, mỗi quý trả 2.490 triệu VNĐ.

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

(tiếp theo)

21. Dự phòng trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Biến động dự phòng trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp trong năm như sau:

	triệu VNĐ
Số dư đầu năm	35.842
Trích lập dự phòng trong năm	4.513
Sử dụng dự phòng trong năm	(3.542)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(1.971)
	<hr/>
Số dư cuối năm	34.842
	<hr/>

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 mươi lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2008 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty đã đóng 2.059 triệu VNĐ (31/12/2008: Không) vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp và khoản này được ghi nhận vào chi phí nhân công trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009**

(tiếp theo)

22. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2009		31/12/2008	
	Số lượng cổ phiếu	triệu VNĐ	Số lượng cổ phiếu	triệu VNĐ
Vốn cổ phần được duyệt	351.265.300	3.512.653	175.275.670	1.752.757
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	351.265.300	3.512.653	175.275.670	1.752.757
Cổ phiếu ngân quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(15.320)	(154)	-	-
Cổ phiếu hiện đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	351.249.980	3.512.499	175.275.670	1.752.757

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 đồng. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	31/12/2009		31/12/2008	
	Số lượng cổ phiếu	triệu VNĐ	Số lượng cổ phiếu	triệu VNĐ
Số dư đầu năm	175.275.670	1.752.757	175.275.670	1.752.757
Vốn cổ phần phát hành trong năm	364.640	3.646	-	-
Cổ phiếu ngân quỹ mua trong năm	(15.320)	(154)	-	-
Cổ phiếu thưởng trong năm	175.624.990	1.756.250	-	-
Số dư cuối năm	351.249.980	3.512.499	175.275.670	1.752.757

Vào ngày 10 tháng 6 năm 2009, Công ty phát hành 364.640 cổ phiếu với mệnh giá cho nhân viên bằng tiền mặt.

Vào ngày 3 tháng 9 năm 2009, Công ty đã mua lại 15.320 cổ phiếu của các nhân viên trong công ty đã nghỉ việc.

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

(tiếp theo)

Vào ngày 9 tháng 9 năm 2009, Công ty đã công bố cổ phiếu thưởng là 1:1, có hiệu lực vào ngày 18 tháng 9 năm 2009 và được trích từ thặng dư vốn cổ phần và lợi nhuận chưa phân phối cho tất cả các cổ đông hiện tại của Công ty. Cổ phiếu thưởng này được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 15 tháng 10 năm 2009.

23. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp được ghi trên hóa đơn không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	31/12/2009 triệu VNĐ	31/12/2008 triệu VNĐ
Tổng Doanh thu thuần bao gồm		
▪ Bán hàng	10.730.308	8.292.427
▪ Hàng hóa và nguyên vật liệu	105.817	103.657
▪ Dịch vụ	20.239	11.090
Các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	(196.965)	(141.199)
▪ Hàng bán bị trả lại	(9.406)	(30.382)
Doanh thu thuần	10.649.993	8.235.593

24. Giá vốn hàng bán

	31/12/2009 triệu VNĐ	31/12/2008 triệu VNĐ
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Thành phẩm đã bán	6.651.253	5.535.235
▪ Hàng hoá đã bán	88.388	88.489
▪ Dịch vụ đã cung ứng	3.850	1.445
▪ Xóa sổ hàng tồn kho	6	61
▪ Chi phí do hoạt động dưới công suất bình thường	32.621	15.050
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.456	384
	6.777.574	5.640.664

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

(tiếp theo)

25. Doanh thu hoạt động tài chính

	31/12/2009 triệu VNĐ	31/12/2008 triệu VNĐ
Thu nhập lãi tiền gửi	106.159	59.130
Thu nhập lãi trái phiếu	9.274	3.593
Thu từ thanh lý khoản đầu tư trong công ty liên doanh	139.577	-
Thu từ bán chứng khoán vốn	29.320	119.553
Thu nhập cổ tức, cổ phiếu thưởng	18.900	29.890
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	132.217	46.050
Các khoản khác	204	5.585
	<hr/>	<hr/>
	435.651	263.801
	<hr/>	<hr/>

26. Chi phí hoạt động tài chính

	31/12/2009 triệu VNĐ	31/12/2008 triệu VNĐ
Chi phí lãi vay	6.604	25.512
Dự phòng giảm giá đầu tư	62.303	199.863
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	118.124	47.314
Các khoản khác	132	516
	<hr/>	<hr/>
	187.163	273.205
	<hr/>	<hr/>

27. Thu nhập khác

	31/12/2009 triệu VNĐ	31/12/2008 triệu VNĐ
Tiền bồi thường nhận được từ các bên khác	1.952	4.190
Thu từ thanh lý tài sản cố định	5.682	592
Thu từ thanh lý phế liệu, công cụ và dụng cụ	40.376	51.763
Thu từ thanh lý xây dựng cơ bản dở dang	66.624	-
Hỗ trợ từ nhà cung cấp	91.480	73.558
Thu nhập khác	17.579	4.667
	<hr/>	<hr/>
	223.693	134.770
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

(tiếp theo)

28. Chi phí khác

	31/12/2009 triệu VNĐ	31/12/2008 triệu VNĐ
Giá trị còn lại của thanh lý tài sản cố định	4.367	178
Giá trị ghi sổ của xây dựng cơ bản dở dang	66.464	-
Chi phí khác	15.768	2.740
	<hr/>	<hr/>
	86.599	2.918
	<hr/>	<hr/>

29. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	31/12/2009 triệu VNĐ	31/12/2008 triệu VNĐ
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện tại	406.438	161.874
Dự phòng thừa trong những năm trước	(48.773)	-
	<hr/>	<hr/>
	357.665	161.874
Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập chênh lệch tạm thời	11.386	(17.730)
Ảnh hưởng của thay đổi thuế suất	(17.631)	(12.910)
Xóa sổ tài sản thuế hoãn lại	-	(8.619)
	<hr/>	<hr/>
	(6.245)	(39.259)
	<hr/>	<hr/>
Chi phí thuế thu nhập	351.420	122.615
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009****(tiếp theo)****(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	31/12/2009 triệu VNĐ	31/12/2008 triệu VNĐ
Lợi nhuận trước thuế	2.732.565	1.374.169
Thuế theo thuế suất của Công ty	683.141	384.767
Ảnh hưởng của thay đổi thuế suất	(17.631)	(12.910)
Ảnh hưởng của chênh lệch thuế suất trong các chi nhánh của Vinamilk	(113.610)	(92.184)
Chi phí không được khấu trừ thuế	3.131	5.986
Thu nhập không tính thuế	(6.504)	(3.479)
Ảnh hưởng của ưu đãi thuế	(148.970)	(150.946)
Tài sản thuế hoãn lại không được ghi nhận	636	-
Xóa sổ tài sản thuế hoãn lại	-	(8.619)
Dự phòng thừa trong những năm trước	(48.773)	-
	351.420	122.615

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)****(c) Thuế suất áp dụng**

Công ty và các chi nhánh có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập cho Nhà nước như sau:

Đơn vị	Thuế suất hiện hành	Miễn thuế
Trụ sở chính	25%	Không
Nhà máy Cà phê Sài Gòn	25%	Miễn thuế từ năm 2009 đến năm 2011 và giảm 50% từ năm 2012 đến năm 2016.
Nhà máy Sữa Cần Thơ	15% đến năm 2014 và 25% các năm sau đó	Miễn thuế từ năm 2004 đến năm 2008 và giảm 50% từ năm 2009 đến năm 2013.
Nhà máy Sữa Dielac	15% đến năm 2014 và 25% các năm sau đó	Miễn thuế từ năm 2004 đến năm 2008 và giảm 50% từ năm 2009 đến năm 2013.
Nhà máy Sữa Sài Gòn	15% đến năm 2012 và 25% các năm sau đó	Miễn thuế từ năm 2003 đến năm 2005 và giảm 50% từ năm 2006 đến năm 2012.
Nhà máy Sữa Nghệ An	25%	Không
Nhà máy Sữa Bình Định	25%	Không
Nhà máy Sữa Hà Nội	25%	Không
Nhà máy Sữa Thống Nhất	25%	Không
Nhà máy Sữa Trường Thọ	25%	Không
Chi nhánh Hà Nội	25%	Không
Chi nhánh Đà Nẵng	25%	Không
Chi nhánh Cần Thơ	25%	Không
Xí nghiệp kho vận Thành phố Hồ Chí Minh	25%	Không
Phòng khám An Khang	25%	Không
Nhà máy Sữa Tiên Sơn	25%	Miễn thuế từ năm 2008 đến năm 2010 và giảm 50% từ năm 2011 đến năm 2015.

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006 và 2007, Công ty đã kê khai là được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) trên cơ sở cộng gộp hai mức ưu đãi: (1) miễn thuế TNDN trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2004 và 2005 và giảm 50% thuế TNDN cho giai đoạn 3 năm tiếp theo kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006, 2007 và 2008 do cổ phần hóa Công ty; và (2) được giảm thêm 50% thuế TNDN trong hai năm sau khi niêm yết chứng khoán trên sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”) vào ngày 19 tháng 1 năm 2006. Việc cộng dồn hai mức thuế suất ưu đãi này đã được Tổng Cục thuế cho theo công văn số 1591/TCT-CST ngày 4 tháng 5 năm 2006.

Vào ngày 22 tháng 5 năm 2008, Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh thông báo rằng Công ty không được cộng gộp hai loại ưu đãi thuế liên quan đến việc niêm yết chứng khoán trên HOSE và cổ phần hóa trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006 và 2007. Do đó Công ty chỉ được giảm 50% thuế thay vì miễn thuế và Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu Công ty nộp khoản thuế 225.803 triệu VNĐ (76.637 triệu VNĐ cho năm 2006 và 149.166 triệu VNĐ cho năm 2007).

Vào ngày 25 tháng 7 năm 2008, Thanh tra Chính phủ sau khi hoàn tất việc thanh tra tại Công ty đã yêu cầu Công ty kê khai và nộp thuế TNDN liên quan đến năm 2006 và 2007 vào Ngân sách Nhà nước.

Vào ngày 13 tháng 11 năm 2008, Văn phòng Thủ tướng Chính phủ ra Thông báo số 318/TB-VPCP xác nhận rằng các công ty niêm yết chứng khoán trên thị trường chứng khoán trong giai đoạn từ năm 2004 đến năm 2006 được giảm 50% thuế TNDN cho hai năm sau khi chứng khoán được niêm yết. Tuy nhiên thông báo số 318/TB-VPCP không đề cập đến việc có cho phép doanh nghiệp được cộng gộp hai khoản thuế ưu đãi khác nhau hay không.

Vào ngày 20 tháng 3 năm 2009, Ban Điều Hành nhận được từ Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh một bản sao của Công điện số 31/TCT-VP ngày 16 tháng 3 năm 2009 của Tổng Cục thuế gửi cho Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh theo đó thông báo cho Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh rằng Bộ tài chính đã có công văn báo cáo Thủ tướng Chính phủ xin ý kiến chỉ đạo về việc miễn, giảm thuế TNDN đối với các công ty niêm yết chứng khoán lần đầu. Tổng Cục thuế yêu cầu Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh không thực hiện việc thông báo hoặc tạm thu thuế TNDN đối với các công ty niêm yết chứng khoán nêu trên trong khi chờ quyết định cuối cùng của Thủ tướng Chính phủ.

Sau ngày lập bảng cân đối kế toán, ngày 14 tháng 1 năm 2010, Tổng Cục thuế có Công văn số 148/TCT-PC gửi Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh và Công ty trong đó nêu rõ: cho phép Công ty được cộng gộp ưu đãi thuế theo Luật thuế TNDN và ưu đãi thuế do niêm yết chứng khoán lần đầu khi xác định ưu đãi thuế TNDN.

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

30. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 dựa vào lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông chính cho kỳ năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 2.381.145 triệu VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2008: 1.251.554 triệu VNĐ) và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành là 350.950.861 (ngày 31 tháng 12 năm 2008: 350.900.660).

Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành

	31/12/2009 Số lượng cổ phiếu	31/12/2008 Số lượng cổ phiếu
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	175.275.670	175.275.670
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành vào ngày 10 tháng 6 năm 2009	204.798	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu giảm vào ngày 3 tháng 9 năm 2009	(5.037)	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu cổ thông thưởng phát hành vào ngày 18 tháng 9 năm 2009	175.475.430	175.624.990
Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	350.950.861	350.900.660

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty không có cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu.

31. Cổ tức

Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông của Công ty vào ngày 22 tháng 7 năm 2009 đã quyết định phân phối khoản cổ tức 351.281 triệu VNĐ (2.000 VNĐ trên một cổ phiếu).

32. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

	Giá trị giao dịch		Số dư tại ngày 31 tháng 12	
	2009 triệu VNĐ	2008 triệu VNĐ	2009 triệu VNĐ	2008 triệu VNĐ
SCIC – cổ đông				
Chi trả cổ tức	167.072	325.831	-	-
Công ty TNHH Một Thành viên Bò Sữa Việt Nam – Công ty con				
Vốn góp	78.106	5.000	-	-
Tài sản cố định được chuyển sang	12.933	-	17.717	-
Xây dựng cơ bản dở dang	66.616	-	-	-
Bán hàng hóa và dịch vụ	8.198	6.152	412	-
Mua nguyên vật liệu	38.488	26.929	-	45

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

(tiếp theo)

	Giá trị giao dịch		Số dư tại ngày 31 tháng 12	
	2009	2008	2009	2008
	triệu VNĐ	triệu VNĐ	triệu VNĐ	triệu VNĐ
Công ty Cổ phần Sữa Lam Sơn – Công ty con				
Tài sản cố định được chuyển sang	226	60	247	-
Bán hàng hóa và dịch vụ	30.918	23.634	3.375	-
Mua hàng hóa và dịch vụ	54.825	43.898	3.790	1.053
Cho vay	-	-	2.500	2.500
Đầu tư cổ phần	-	-	-	28.131
Cổ tức phải trả	2.000	-	2.923	4.923
Công ty TNHH Một Thành viên Đầu tư Bất Động sản Quốc tế – Công ty con				
Vốn góp	15.000	30.800	-	-
Công ty Liên doanh SABMiller Việt Nam – công ty liên kết				
Cho SABMiller vay	-	-	-	207.968
Thu hồi khoản vay từ SABMiller	207.968	-	-	-
Rút vốn	108.047	-	-	-
Căn hộ Horizon - Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh Dự án – Công ty Liên kết				
Vốn góp	2.450	-	-	-
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành				
Tổng lương và lợi ích khác	28.959	33.401	-	-

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

(tiếp theo)

33. Các cam kết

(a) Chi tiêu vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2009 triệu VNĐ	31/12/2008 triệu VNĐ
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	365.161	216.343

(b) Hợp đồng thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được huỷ ngang như sau:

	31/12/2009 triệu VNĐ	31/12/2008 triệu VNĐ
Trong vòng một năm	4.294	1.931
Trong vòng hai đến năm năm	17.202	7.728
Sau năm năm	148.730	63.616
	170.226	73.275

34. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	31/12/2009 triệu VNĐ	31/12/2008 triệu VNĐ
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất	6.460.586	5.364.896
Chi phí nhân công	453.619	399.449
Chi phí khấu hao	217.354	163.647
Chi phí dịch vụ mua ngoài	373.574	292.106
Chi phí khác	987.146	899.067

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)**

35. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Các sự kiện trọng yếu phát sinh sau ngày kết thúc niên độ như sau:

- Công ty đã thực hiện việc ký hợp đồng chuyển nhượng nhà máy sản xuất cà phê. Việc chuyển nhượng này dự kiến sẽ hoàn tất trong quý I năm 2010.
- Vào ngày 8 tháng 2 năm 2010, Công ty phát hành 1.806.820 cổ phiếu với mệnh giá cho nhân viên bằng tiền mặt.

Người lập:



Lê Thành Liêm
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Mai Kiều Liên
Tổng Giám đốc

01 MAR 2010